TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên.
Bà Đinh Thị Thu Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/03/2023 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 11, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn ngày 28/9/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị Q về chung sống

cùng anh ở thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, có những bất đồng về quan điểm sống. Chị Q đối nội, đối ngoại kém, đặc biệt là việc cư xử với gia đình nhà chồng. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Anh và chị Q đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau, góp ý để cuộc sống gia đình tốt hơn nhưng chị Q không thay đổi. Năm 2011 do làm ăn kinh tế thua lỗ, anh đi làm ăn xa, chị Q mang con về nhà bố mẹ đẻ chị Q ở thôn Cát, xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Anh và chị Q sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Q không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, sinh ngày 07/10/2007; cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/01/2009; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay 04 con chung đang ở cùng với chị Q. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh vẫn thường xuyên hỏi thăm các con. Ly hôn, chị Q đề nghị Tòa án giao 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, cháu Phạm Anh K, cháu Phạm Ngọc L cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh cũng đồng ý.

Mặc dù nguyện vọng của cháu Kiệt là muốn ở cùng với anh, tuy nhiên anh thấy các cháu hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định ở thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Thời gian qua, chị Q cũng chăm sóc các con tốt. Do vậy để đảm bảo ổn định đời sống cho các cháu thì anh cũng đồng ý để chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, cháu Phạm Anh K, cháu Phạm Ngọc L.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, đồng thời anh đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị Q.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới chị và anh T sống và làm ăn ở thành phố Hà Nội. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do chị ốm đau bệnh tật, không đi làm công ty mà nghỉ ở nhà để tiện cho việc chăm nom con cái và gia đình. Sau khi chị nghỉ làm thì anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2011 chị mang con về nhà mẹ đẻ chị ở thôn Cát, xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Từ khi chị về quê sinh sống thì thỉnh thoảng anh T vẫn về thăm 04 mẹ con chị. Năm 2016 chị sinh con út, anh T vẫn về thăm. Năm 2017, anh T vẫn ngoại tình nhưng anh vẫn đối xử bình thường với mẹ con chị. Thời gian gần đây vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì nữa. Nay, anh T xin ly hôn chị, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, sinh ngày 07/10/2007; cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/01/2009; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay 04 con chung đang ở cùng chị, các cháu phát triển bình thường. Chị không đồng ý ly hôn anh T, tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn với chị, chị đề nghị tiếp tục nuôi cả 04 con chung, do từ nhỏ các con đã sống cùng chị và hiện nay các con đang sinh sống và học tập ổn định tại địa phương.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án còn lấy lời khai của các con của anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q.

Cháu Nguyễn Uyển N trình bày: Cháu là con của bố Phạm Văn T và mẹ Nguyễn Thị Q. Hiện cháu đang ở cùng mẹ Q và học lớp 10A2 Trường Trung học phổ thông Yên Dũng số 3. Bố me cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ cháu vì mẹ cháu chăm sóc cháu từ nhỏ.

Cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A trình bày: Cháu là con của bố Phạm Văn T và mẹ Nguyễn Thị Q. Hiện cháu đang ở cùng mẹ Q và học lớp 8A Trường Trung học cơ sở xã Đức Giang. Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ cháu vì mẹ cháu chăm sóc cháu từ nhỏ.

Cháu Phạm Anh Việt trình bày: Cháu là con của bố Phạm Văn T và mẹ Nguyễn Thị Q. Hiện cháu đang ở cùng mẹ Q và học lớp 7B Trường Trung học cơ sở xã Đức Giang. Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố cháu vì ở với bố cháu cuộc sống sẽ tốt hơn.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của anh T, biên bản lấy lời khai của chị Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Q nhiều lần nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc cũng như không đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôm nay nên chị chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghia vụ của mình theo quy định của pháp luật

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35,39, 227, 228, 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Giao 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, sinh ngày 07/10/2007; cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/01/2009; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 15/10/2010; cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/5/2016 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này

Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị Q.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Q, chị Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 28/9/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Q là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của anh T và chị Q: Theo anh T xác định Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, có những bất đồng về quan điểm sống. Chị Q đối nội, đối ngoại kém, đặc biệt là việc cư xử với gia đình nhà chồng. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Năm 2011 do làm ăn kinh tế thua lỗ, anh đi làm ăn xa, chị Q mang con về nhà bố mẹ đẻ chị Q ở thôn Cát, xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống, anh và chị Q sống ly thân từ đó. Theo chị Q xác định: Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù anh T thi thoảng vẫn về thăm chị và các con nhưng

chị cũng xác định vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì. Nay, anh T xin ly hôn chị Q, chị Q xác định vẫn còn tình cảm, chị không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, HĐXX thấy: Mặc dù chị Q không đồng ý ly hôn anh T, nhưng chính bản thân chị Q cũng thừa nhận đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ngoại tình với người phụ nữ khác và vợ chồng đã không còn quan hệ tình cảm gì từ đó đến nay.

Đồng thời qua xác minh tại địa phương cũng xác nhận từ khoảng năm 2017 vợ chồng anh T chị Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh T và chị Q đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay, anh T xin ly hôn chị Q, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị Q.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị Q có 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, sinh ngày 07/10/2007; cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/01/2009; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 15/10/2010 và cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị Q. Nay ly hôn, anh T và chị Q đều thống nhất giao cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, cháu Phạm Anh K và cháu Phạm Ngọc L. Nên HĐXX tôn trọng quyền tự thỏa thuận, định đoạt của các đương sự. Đồng thời chị Q làm công nhân ở công ty. Thu nhập của chị từ khoảng 10.000.000 đến 15.000.000 đồng/tháng, theo địa phương cung cấp chị vẫn làm thêm ruộng nông nghiệp, lại cũng đã có chỗ ở, có nhà riêng.Do vậy, chị Phương đủ điều kiện nuôi dạy con.

Mặc dù cháu Phạm Anh K có nguyện vọng ở cùng anh T nhưng xét thấy từ nhỏ đến nay cháu sống cùng chị Q. Chị Q chăm sóc cháu tốt, cháu hiện học tập và phát triển bình thường. Đồng thời Anh T chị Q lại thỏa thuận được về việc nuôi dạy con nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Như, cháu Quỳnh Anh, cháu Kiệt và cháu Long.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh T và chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Phạm Nguyễn Uyển N, sinh ngày 07/10/2007; cháu Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 01/01/2009; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 15/10/2010; cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 27/5/2016.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009704 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thái **Nguyễn Thị Tin** **Nguyễn Thị Anh**